FireAnt

CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,410
% sở hữu nước ngoài	6.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
P/E	-20.8
EPS	-408

	YTD	1T	3T	6T
ICG	16.4%	11.8%	10.4%	16.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

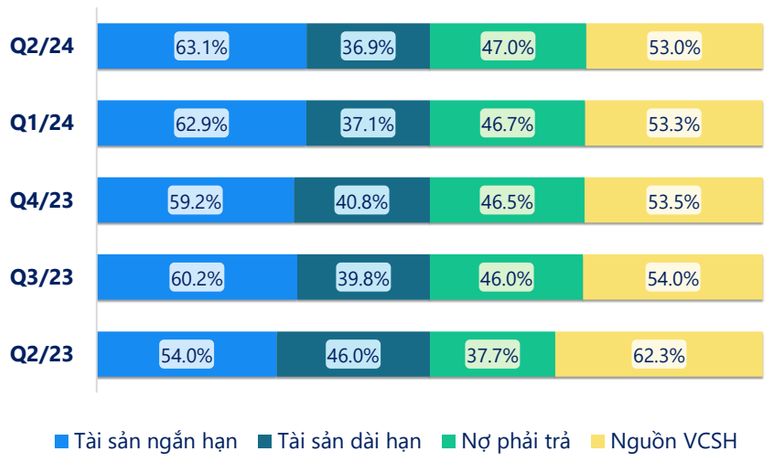

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

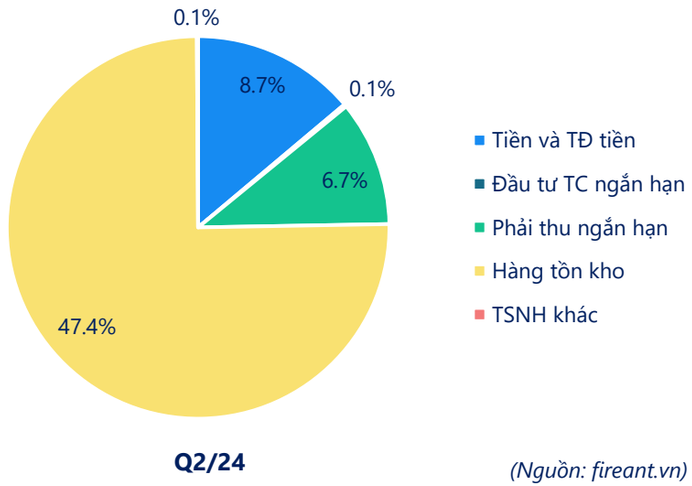

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

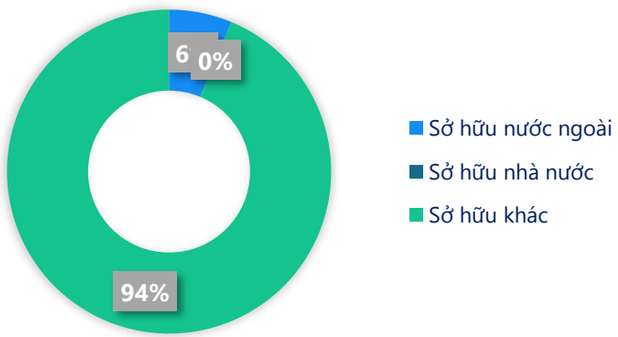

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

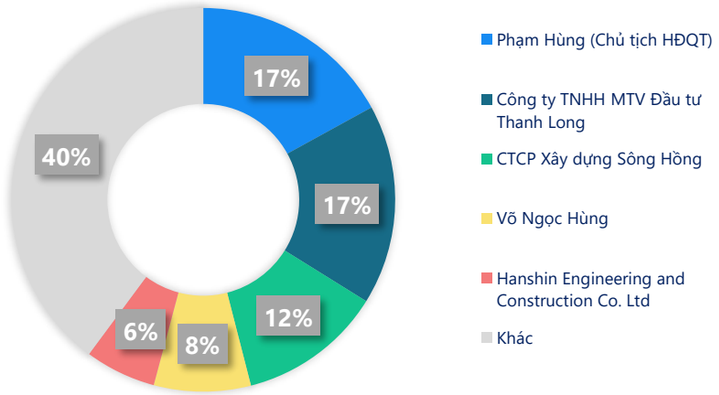

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

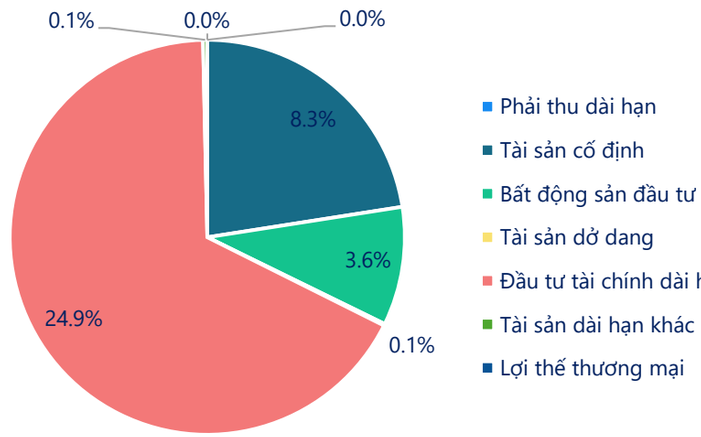

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)

Tiền và tương đương tiền

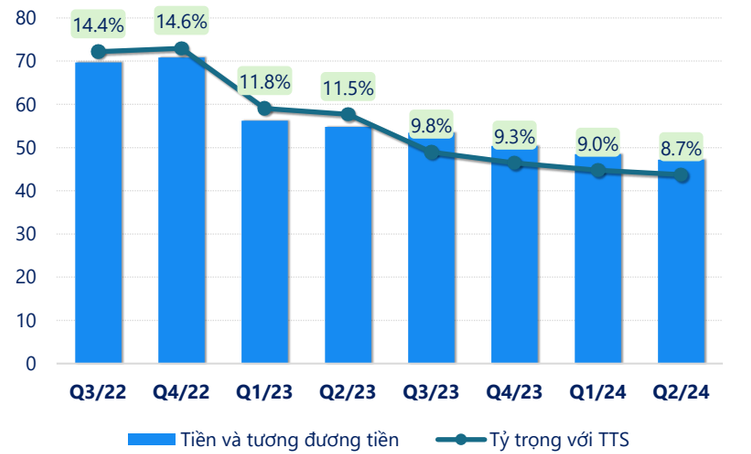

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

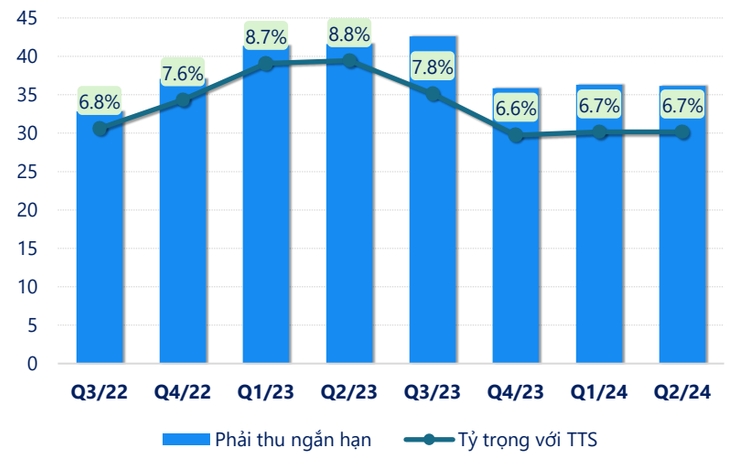

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

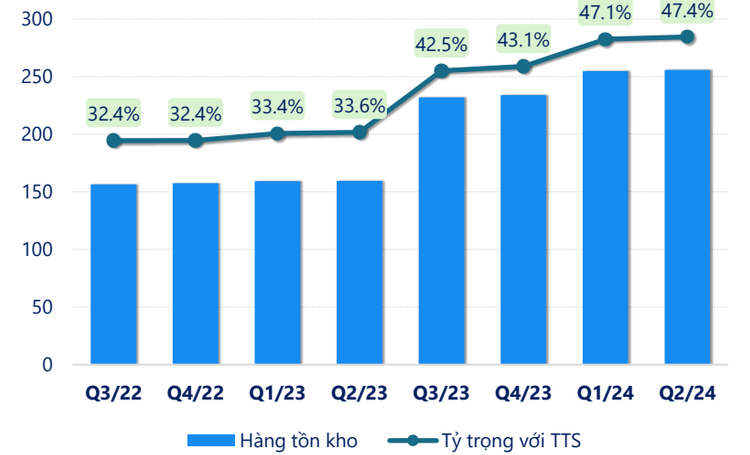

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

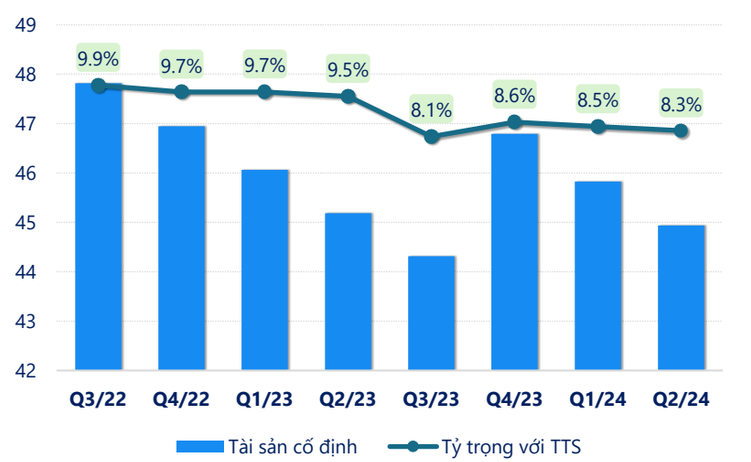

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

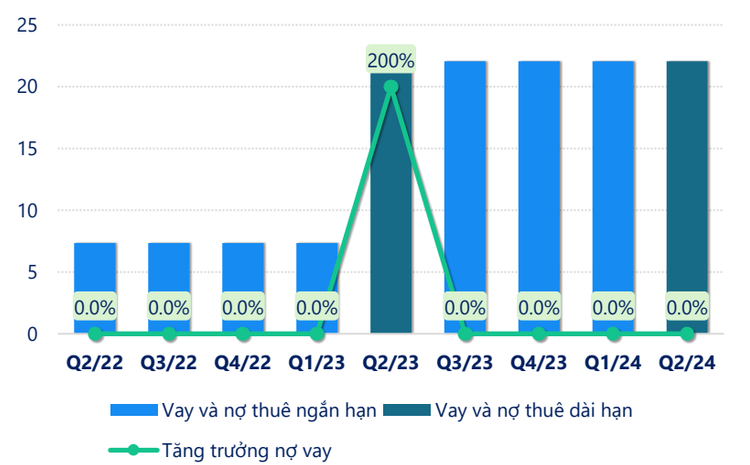

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

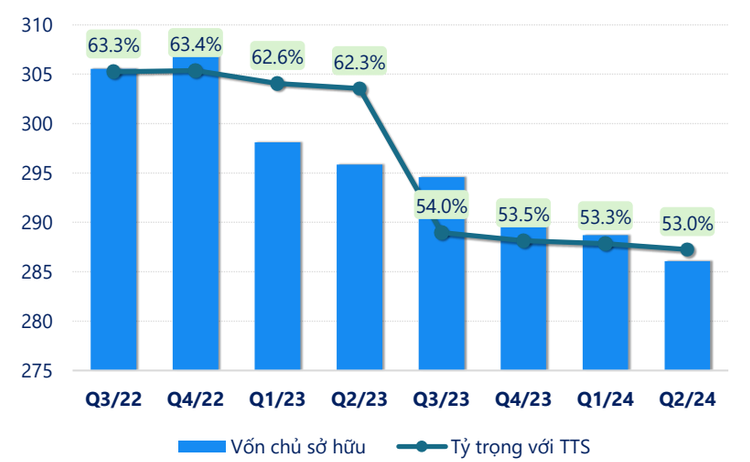

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)

Kết quả kinh doanh

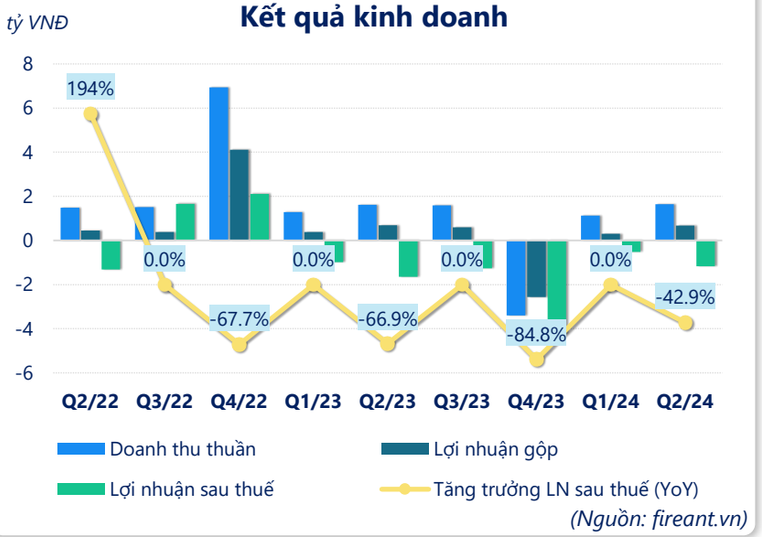

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

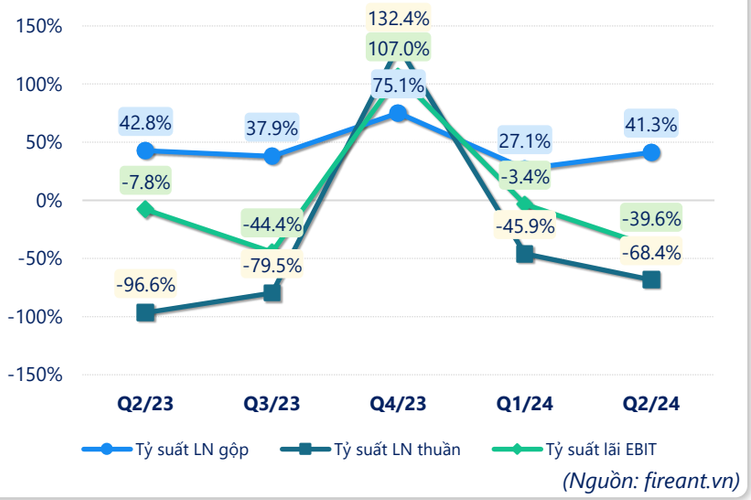

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

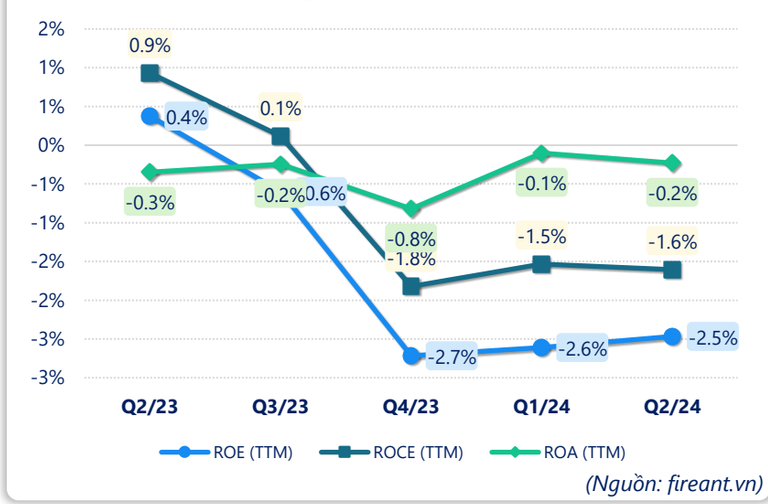

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

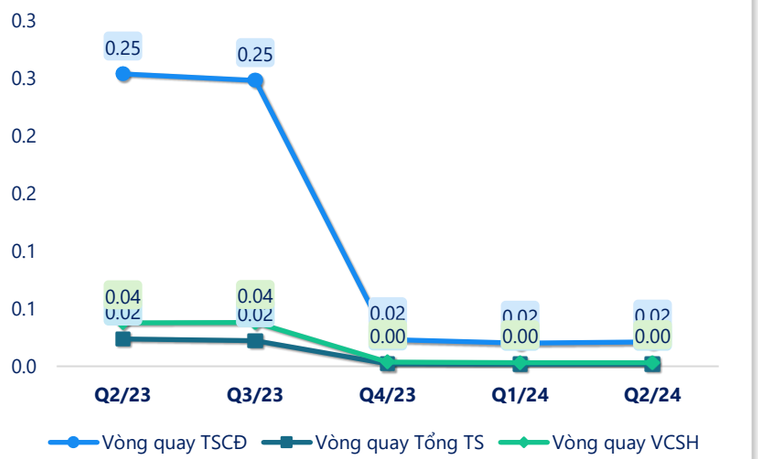

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

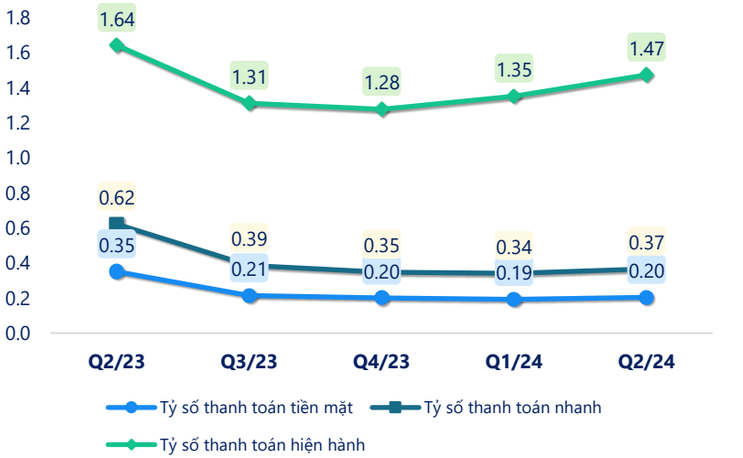

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

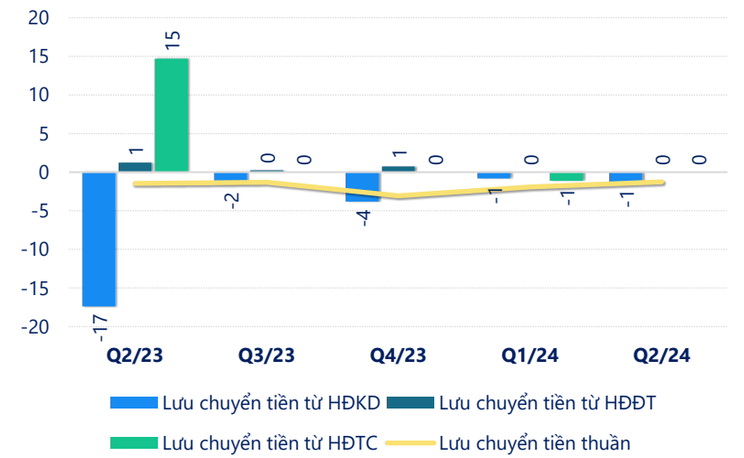

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**540**	**543**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	340	341	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	47.2	50.4	-6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	0.75	0.0%
Phải thu ngắn hạn	36.2	35.9	0.8%
Hàng tồn kho	256	254	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.47	-25.3%
Tài sản dài hạn	**199**	**202**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.9	46.7	-3.8%
Bất động sản đầu tư	19.4	19.7	-1.8%
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.69**	**0.84**	**-17.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	254	252	0.5%
Nợ ngắn hạn	**231**	**230**	**0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.10	6.34	-3.7%
Nợ dài hạn	22.7	22.7	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.1	22.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**286**	**290**	**-1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**286**	**290**	**-1.5%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	1.62	1.58	-3.41	1.13	1.64
Giá vốn hàng bán	0.93	0.98	-0.85	0.82	0.96
Lợi nhuận gộp	0.69	0.60	-2.56	0.31	0.68
Doanh thu HĐTC	1.04	0.44	0.80	1.37	0.42
Chi phí TC	1.44	0.56	0.50	0.48	0.47
Chi phí lãi vay	1.44	0.56	0.50	0.48	0.47
LN trong công ty LKLD	0.00	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.86	1.74	2.25	1.71	1.75
LN thuần từ HĐKD	-1.56	-1.26	-4.51	-0.52	-1.12
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.37	0	0
LN trước thuế	-1.56	-1.26	-4.14	-0.52	-1.12
Lợi nhuận sau thuế	-1.65	-1.26	-4.21	-0.52	-1.17
LNST của CĐ cty mẹ	-1.66	-1.26	-4.22	-0.52	-1.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.4	-1.57	-3.82	-0.80	-1.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.22	0.25	0.75	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.7	0	0	-1.11	0
Tiền đầu kỳ	56.2	54.8	53.4	50.4	48.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.46**	**-1.31**	**-3.06**	**-1.91**	**-1.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.8	53.4	50.4	48.5	47.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic